TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **135**/2019/HS-PT
Ngày: 12/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hương
Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Thành
Ông Nguyễn Ngọc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Trọng Trạng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2019/TLPT-HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Chu H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Bị cáo kháng cáo: Chu H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: thôn 16, xã Q, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Chu A (đã chết), con bà Đỗ B; Tiền án: Ngày 21/12/2017 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 10/9/2018; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty cổ phần đầu tư tài chính V (viết tắt là Công ty V) có trụ sở tại tầng 9, tòa nhà D số 38^{A} đường L, phường Đ, thành phố Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2802496192 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16/11/2017. Các cổ đông sáng lập gồm Nguyễn T (sinh 1980, trú tại: thôn X, xã H, thành phố Thanh Hóa) là Chủ tịch HĐQT đồng thời là người đại

diện theo pháp luật; Nguyễn K (sinh 1978, trú tại: thôn T, xã Đ, Hện H, tỉnh Thanh Hóa); Phạm A (sinh 1991, trú tại: thôn T, xã T, Hện H, tỉnh Thanh Hóa); Lê Q (sinh 1991, trú tại; SN 80 N, phường T, thành phố Thanh Hóa) và Trịnh H (sinh 1974, trú tại: thôn L, xã H, Hện Th, tỉnh Thanh Hóa). Thực chất, Công ty V do Chu H khởi xướng thành lập và điều hành nhưng chỉ tham gia với tư cách là Phó giám đốc phụ trách tài chính, hoạt động chủ yếu là cho vay cầm đồ.

Sau khi thành lập, do không có vốn (vốn điều lệ ghi trong giấy phép kinh doanh nhưng thực tế không có) nên các cổ đông thống nhất Công ty sẽ nhận hồ sơ hỗ trợ vay vốn Ngân hàng cho khách hàng, với mức phí thu là 3% giá trị tiền vay (trong đó thu trước 1%, còn 2% thu sau khi giải ngân).

Ngày 21/12/2017 do có mâu thuẫn trong nội bộ Công ty nên các anh Nguyễn T, Nguyễn K, Phạm A, Trịnh H rời khỏi Công ty, đồng thời cHển nhượng toàn bộ cổ phần của mình cho Chu H và những người trong công ty, cụ thể: Chu H (là Giám đốc Công ty, đồng thời là người đại diện theo pháp luật) chiếm 77,5%, Lê Q chiếm 7%, Nguyễn K 1,5% (được H cho lại), Nguyễn Trọng H 6%, Nguyễn Khắc T 7% và Nguyễn Cẩm V 1%.

Đầu tháng 01/2018, do nằm trong danh sách nợ xấu không thể tự vay vốn Ngân hàng nên anh Phạm S thông qua chị Đỗ Th là cộng tác viên của Công ty dẫn đến Công ty V yêu cầu thực hiện dịch vụ hỗ trợ vay vốn Ngân hàng số tiền 5-6 tỷ đồng. Hai bên thống nhất anh S nộp trước 130.000.000đ tiền phí, trong 10 ngày nếu không vay được tiền cho anh S Công ty sẽ hoàn lại tiền phí. Ngày 10/01/2018, anh S đến Công ty V nộp 100.000.000đ lệ phí (Lê Q viết phiếu thu tiền, Chu H là người ký và nhận tiền). Số tiền này Công ty V đã sử dụng vào việc trả nợ cho khách hàng. Tiếp theo, ngày 12/01/2018, anh S hẹn gặp Chu H tại cầu vượt xã P, TP. Thanh Hóa nộp tiếp số tiền 30.000.000đ (hai bên không viết giấy giao nhận). Số tiền này H đã nộp vào quỹ Công ty. Sau khi nhận hồ sơ và tiền phí của anh S, H đã giao cho Nguyễn H liên hệ với Ngân hàng để vay vốn cho anh S. Hải liên hệ với anh Nguyễn L (nhân viên Ngân hàng Đại chúng - PVCombank) và được biết trường hợp của anh S là "nợ xấu nhóm 5" (tức là không thể vay vốn Ngân hàng) nên đã nhận lại hồ sơ của anh S, đồng thời thông báo cho H biết.

Ngày 17/01/2018, Chu H không làm việc ở Công ty V nữa và chuyển toàn bộ cổ phần cho anh Nguyễn H. Lúc này, H đã biết hồ sơ của anh S không thể vay được vốn Ngân hàng, nhưng do cần tiền chi tiêu nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh S. H gọi điện cho anh S nói dối sẽ vay giúp anh S số tiền từ 10 đến 13 tỷ đồng và yêu cầu anh S nộp 50.000.000đ. Do tin tưởng H, ngày 23/01/2018, tại quán cà phê trên đường L, phường B, thành phố Thanh Hóa, anh

S đã đưa cho H 50.000.000đ. H viết phiếu thu và yêu cầu anh S không nói cho người của Công ty V biết việc H thu tiền. Để tạo niềm tin với anh S, chiều ngày 23/01/2018 H đã nhờ anh Lưu X (nhân viên Ngân hàng Quân đội) vào nhà anh S thẩm định tài sản. Anh Hưng trả lời trường hợp anh S không thể vay tiền Ngân hàng nhưng H vẫn tiếp tục nói với anh S là đang làm thủ tục vay vốn và yêu cầu anh S nộp tiếp 30.000.000đ để tạo "quan hệ" giúp vay tiền nhanh. Khoảng 15h ngày 24/01/2018, tại quán nước gần Siêu thị Big C Thanh Hóa anh S giao tiếp cho H số tiền 30.000.000đ. Tổng số tiền 80.000.000đ nhận của anh S, H đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân và trả nợ (BL 195 - 227).

Đối với số tiền 130.000.000đ anh Phạm S nộp cho Công ty V (vào ngày 10, 12/01/2018), thời điểm này H là Giám đốc Công ty. Mặc dù Công ty V không được cấp phép kinh doanh trong lĩnh vực hỗ trợ vay vốn Ngân hàng, nhưng việc nhận tiền phí của khách hàng đã được sự thống nhất của Công ty và thỏa thuận từ khách hàng. Số tiền 130.000.000đ đã sử dụng vào chi phí, hoạt động của Công ty. Do đó, không có căn cứ xác định H có mục đích chiếm đoạt số tiền 130.000.000đ của anh S nộp vào công ty.

Bản án số 56/2019/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 56; khoản 5 Điều 65 BLHS; khoản 2. Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Chu H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Chu H 36 tháng tù, tổng hợp với 06 tháng tù của Bản án HSPT số 238 ngày 21/12/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/9/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm dân sự xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/3/2019, bị cáo Chu H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 356 BLTTHS 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Mặc dù không còn làm việc tại Công ty V và biết rõ hồ sơ vay vốn của anh Phạm S (là khách hàng của Công ty V) không được Ngân hàng chấp nhận cho vay, nhưng các ngày 23 và 24/01/2018, lợi dụng vào mối quan hệ anh S là khách hàng cũ và tâm lý cần vay tiền giải quyết khó khăn trong kinh doanh của anh S, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để anh S tin là bị cáo liên hệ được với Ngân hàng để làm các thủ tục vay tiền cho anh S, và yêu cầu anh S đưa cho bị cáo 02 lần tiền tổng cộng 80.000.000đ để chi phí cho việc vay tiền. Sau khi chiếm đoạt 80.000.000đ của anh S, bị cáo đã chi tiêu hết.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chu H thừa nhận hành vi chiếm đoạt số tiền 80.000.000đ của anh Phạm S vào các ngày 23, 24 tháng 01 năm 2018 và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm vì thành khẩn khai báo; nhưng chịu 02 tình tiết tăng nặng do tái phạm và phạm tội nhiều lần. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 36 tháng tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Do đó HĐXX phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Chu H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2019/HSST ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 56; khoản 5 Điều 65 BLHS.

Xử phạt: Chu H 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tổng hợp với 06 (sáu) tháng tù của Bản án HSPT số 238 ngày 21/12/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/9/2018.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí phúc thẩm: Bị cáo Chu H phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu Tòa HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thu Hương